

KẾ HOẠCH

Tổ chức đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030
và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX,
nhiệm kỳ 2026 - 2031

Thực hiện Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2026 - 2031. Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam xây dựng Kế hoạch tổ chức đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đại hội Hội Nông dân các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031 là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của các cấp Hội và giai cấp Nông dân Việt Nam; nhằm đánh giá việc thực hiện công tác Hội và phong trào nông dân trong thời gian qua, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới phù hợp với bối cảnh thế giới, tình hình của đất nước góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; xây dựng ban chấp hành Hội Nông dân các cấp đáp ứng được yêu cầu tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam.

2. Công tác chuẩn bị và chỉ định nhân sự phải thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, đảm bảo chất lượng, số lượng và cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa, đổi mới và phát triển; chú trọng cán bộ trưởng thành từ thực tiễn phong trào nông dân, từ cơ sở, có năng lực và kinh nghiệm; tiêu biểu về trí tuệ, có trình độ khoa học và công nghệ, có phẩm chất, uy tín, có năng lực lãnh đạo đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; nhân sự tham gia đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên phải đảm bảo tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng được phân bổ; gồm những đại biểu tiêu biểu, đại diện cho trí tuệ của tổ chức Hội, có khả năng đóng góp vào sự thành công của đại hội.

3. Việc chuẩn bị và tiến hành đại hội Hội Nông dân các cấp phải nghiêm túc, trang trọng, đúng tiến độ, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm; phát huy trí tuệ, trách nhiệm của ban chấp hành, ban thường vụ và cán bộ, hội viên nông dân.

II. NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. Đối với đại hội Hội Nông dân cấp xã, cấp tỉnh.

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp xã trên cơ sở bối cảnh, tình hình chung (từ đầu nhiệm kỳ 2023 - 2028 đến tháng tổ chức đại hội); thảo luận, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025 - 2030; thảo luận, góp ý vào các dự thảo văn kiện đại hội Hội Nông dân cấp trên.

- Chuẩn bị nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (cấp tỉnh) và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Công bố quyết định của cấp trên chỉ định nhân sự: ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra (cấp tỉnh) nhiệm kỳ 2025 - 2030; đoàn đại biểu dự đại hội Hội Nông dân cấp trên theo quy định.

2. Đối với Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam.

- Đánh giá khái quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII (từ đầu nhiệm kỳ đến tháng tổ chức đại hội); thảo luận, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp công tác Hội và phong trào nông dân khóa IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.

- Quyết định số lượng, cơ cấu nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Trung ương Hội khóa IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Bầu ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

III. VỀ XÁC ĐỊNH NHIỆM KỲ VÀ SỐ THỨ TỰ ĐẠI HỘI

- Đối với đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp xã không sáp nhập, thì nhiệm kỳ đại hội được tính là nhiệm kỳ 2025 - 2030; số thứ tự đại hội tiếp nối theo thứ tự các nhiệm kỳ trước.

- Đối với đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện sáp nhập thì nhiệm kỳ được tính nhiệm kỳ 2025 - 2030; số thứ tự đại hội được xác định là nhiệm kỳ đầu tiên.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI

1. Về chuẩn bị các dự thảo văn kiện đại hội

Văn kiện của ban chấp hành Hội Nông dân cấp xã, cấp tỉnh trình đại hội gồm:

1.1. Dự thảo Báo cáo chính trị gồm 02 phần chính, như sau:

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2028 (từ đầu nhiệm kỳ đến thời điểm tổ chức đại hội).

- Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Xác định thời cơ và thách thức trong 5 năm tới; kế thừa Nghị quyết đại hội VIII, Hội Nông dân Việt Nam; bám sát dự thảo văn kiện trình đại hội XIV của Đảng; 4 nghị quyết trụ cột trong kỷ nguyên mới là: Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; các nghị quyết liên quan lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng tổ chức Hội Nông dân do Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành để nắm vững tinh thần chỉ đạo và xác định các nhiệm vụ trọng tâm của Hội trong kỷ nguyên mới (*trọng tâm là các Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII), Nghị quyết 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Quyết định 182, Nghị quyết 69; Quyết định 517, ngày 05/3/2025 của Chính phủ "Bồi dưỡng cán bộ Hội Nông dân các cấp, chi hội trường nông dân và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc giai đoạn 2025 - 2030"*); Nghị quyết đại hội Đảng cùng cấp nhiệm kỳ 2025 -2030; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn công tác Hội và phong trào nông dân để đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, khả thi, nhằm đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động theo hướng chủ động, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên mới.

1.2. Dự thảo nghị quyết đại hội

Trên cơ sở báo cáo dự thảo phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2025 - 2030, ban chấp hành các cấp xây

dự thảo nghị quyết đại hội gồm những nội dung cơ bản, quan trọng, cốt lõi trong phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để đại hội thảo luận, quyết định.

1.3. Dự thảo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết

Trên cơ sở dự thảo Nghị quyết đại hội, ban chấp hành các cấp xây dựng dự thảo chương trình hành động thực hiện nghị quyết, đảm bảo rõ các nội dung công việc thực hiện, thời gian thực hiện, đơn vị chủ trì, sản phẩm khi hoàn thành.

1.4. Dự thảo Báo cáo kiểm điểm ban chấp hành nhiệm kỳ trước (*chỉ áp dụng với các cấp Hội Nông dân không thực hiện sáp nhập*).

2. Về chuẩn bị nhân sự và chỉ định nhân sự cơ quan lãnh đạo Hội Nông dân các cấp

2.1. Yêu cầu

Công tác chuẩn bị nhân sự và chỉ định cơ quan lãnh đạo Hội Nông dân các cấp phải bám sát quy định của Đảng, Nhà nước; thực hiện đúng Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam, quy chế, quy định hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ; phải đảm bảo đồng bộ, tổng thể, liên thông, chặt chẽ, khoa học, dân chủ, công khai.

Công tác nhân sự phải đảm bảo quy trình công tác cán bộ, có cơ cấu, số lượng hợp lý, có tính kế thừa và phát triển, công tâm, khách quan trong lựa chọn; chú trọng phát hiện, giới thiệu những nhân tố điển hình, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có năng lực, uy tín; chú trọng cán bộ trưởng thành từ thực tiễn phong trào nông dân, từ cơ sở, có trình độ khoa học, công nghệ.

2.2. Về tiêu chuẩn

Lựa chọn, giới thiệu nhân sự cơ quan lãnh đạo Hội các cấp: căn cứ vào tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy định số 89 - QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị quy định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các quy định và hướng dẫn về công tác cán bộ của các tỉnh, thành uỷ.

2.3. Về số lượng và cơ cấu

2.3.1. Số lượng:

Căn cứ số lượng đơn vị hành chính trên địa bàn, số lượng tổ chức Hội trực thuộc và hội viên; căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, tiêu chuẩn và thực trạng đội ngũ cán bộ, xây dựng đề án có số lượng ủy viên ban chấp hành hợp lý, số lượng ủy viên ban thường vụ không quá 1/3 so với tổng số ủy viên ban chấp hành, cụ thể như sau:

- *Đối với cấp xã:*

+ Số lượng ủy viên ban chấp hành từ **19 - 31** đồng chí.

+ Thường trực gồm chủ tịch và **01 - 02** phó chủ tịch (*trường hợp 02 phó chủ tịch do cấp ủy xem xét quyết định*).

+ Ở cấp xã không thành lập ủy ban kiểm tra, chỉ phân công đồng chí phó chủ tịch Hội phụ trách công tác kiểm tra, giám sát.

- *Đối với cấp tỉnh:*

+ Các tỉnh có dưới 70 cơ sở Hội: bố trí không quá **55** ủy viên. Thường trực gồm chủ tịch, 01- 02 phó chủ tịch.

+ Các tỉnh có trên 70 cơ sở Hội: bố trí không quá **75** ủy viên. Thường trực gồm chủ tịch, 01- 02 phó chủ tịch.

+ Căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể, những đơn vị bố trí vượt quá số lượng ủy viên ban chấp hành, số phó chủ tịch nêu trên thì phải được cấp ủy cùng cấp nhất trí và báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam bằng văn bản.

+ Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra: căn cứ vào tình hình thực tế có thể bố trí **05** hoặc **07** ủy viên; chủ nhiệm là phó chủ tịch Hội kiêm nhiệm; 01 phó chủ nhiệm là lãnh đạo Ban Công tác Nông dân kiêm nhiệm; một số ủy viên công tác tại Ban Công tác Nông dân và một số ủy viên kiêm nhiệm khác có thể ở tổ chức hội cấp dưới hoặc các ngành (nếu cần thiết).

- *Đối với cấp Trung ương:*

Số lượng ủy viên ban chấp hành không quá **95** đồng chí; ban thường vụ không quá **15** đồng chí; thường trực gồm chủ tịch và các phó chủ tịch.

2.3.2. Về cơ cấu:

Trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn, ban chấp hành Hội Nông dân ở mỗi cấp cần có cơ cấu hợp lý để lãnh đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị của Hội, đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

*** Về cơ cấu ban chấp hành:**

- *Đối với ban chấp hành cấp xã gồm:*

+ Chủ tịch, phó chủ tịch Hội Nông dân, công chức chuyên trách tham mưu giúp việc của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

+ Một số phòng, ban, đoàn thể có liên quan.

+ Doanh nghiệp, chủ trang trại, chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc hợp tác xã.

+ Chi hội trưởng, tổ hội trưởng, hội viên tiêu biểu.

- *Đối với ban chấp hành cấp tỉnh gồm:*

+ Chủ tịch, các phó chủ tịch Hội Nông dân.

+ Lãnh đạo Ban Công tác Nông dân.

+ Đại diện lãnh đạo một số ban thuộc cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh.

+ Đại diện lãnh đạo một số ban, ngành, đoàn thể, ngân hàng, hợp tác xã, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến hoạt động của Hội.

+ Chủ tịch Hội Nông dân cấp xã và hội viên tiêu biểu.

+ Các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Phân đấu tỷ lệ ủy viên ban chấp hành là nữ cấp tỉnh **20%**; cấp cơ sở **15%** trở lên.

- Đối với vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo nên có ủy viên ban chấp hành là người dân tộc thiểu số, người có đạo phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

- *Đối với ban chấp hành Trung ương gồm:*

+ Các đồng chí Thường trực và đại diện Ban Công tác Nông dân, Quỹ Hỗ trợ nông dân, Báo Nông thôn ngày nay (cấp trưởng ban và một số cấp phó trưởng ban).

+ Đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương.

+ Đại diện lãnh đạo một số ban của cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Chủ tịch Hội Nông dân cấp tỉnh, thành phố.

+ Các bộ, ngành.

+ Doanh nghiệp, hiệp hội.

+ Nhà khoa học.

+ Hợp tác xã.

+ Chủ tịch Hội Nông dân cấp xã.

+ Hội viên tiêu biểu.

- Phân đấu tỷ lệ ủy viên ban chấp hành là nữ 20% trở lên.

*** Về cơ cấu ban thường vụ:**

- Đối với ban thường vụ cấp xã: Gồm chủ tịch, phó chủ tịch, một số chỉ hội trưởng; đại diện lãnh đạo một số phòng, ban, đoàn thể xã hoặc doanh nghiệp có liên quan.

- Đối với ban thường vụ cấp tỉnh: Gồm chủ tịch, các phó chủ tịch, lãnh đạo ban công tác nông dân, chủ tịch Hội cấp cơ sở, đại diện các ngành liên quan trực tiếp đến hoạt động của Hội.

- Đối với ban thường vụ cấp Trung ương gồm:

+ Cơ cấu cơ quan chuyên trách Hội gồm: Các đồng chí Thường trực Trung ương Hội; Trưởng ban Công tác Nông dân; Trưởng ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân; Tổng Biên tập Báo Nông thôn Ngày nay.

+ Đại diện lãnh đạo một số ban của cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

+ Chủ tịch Hội Nông dân cấp tỉnh.

- Phân đấu tỷ lệ ủy viên ban thường vụ là nữ cấp Trung ương, cấp tỉnh 20%; cấp cơ sở 15% trở lên; phân đấu trong thường trực Hội Nông dân các tỉnh, thành phố có cán bộ nữ.

*** Thường trực Trung ương Hội:** gồm chủ tịch và các phó chủ tịch; trong đó Thường trực có cán bộ nữ.

*** Về ủy ban kiểm tra Trung ương Hội:** số lượng ủy ban kiểm tra Trung ương Hội bố trí 07 hoặc 09 ủy viên: Chủ nhiệm do đồng chí Phó Chủ tịch Trung ương Hội kiêm nhiệm; 01 phó chủ nhiệm và một số ủy viên kiêm nhiệm thuộc Ban Công tác Nông dân và một số đơn vị khác.

2.4. Về độ tuổi

- Cần có 3 độ tuổi (dưới 42 tuổi; 42 - 52 tuổi; trên 52 tuổi) để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

- Thực hiện Chỉ thị số 45 - CT/TW ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 26/8/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Kết luận số 118-KL/TW ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 quy định về tuổi nghỉ hưu.

- Độ tuổi quy định giới thiệu ứng cử lần đầu và tái cử ban chấp hành Hội Nông dân các cấp như sau:

+ Các đồng chí lần đầu tham gia ban chấp hành phải đủ thời gian công tác ít nhất trọn một nhiệm kỳ (**60 tháng**) tại thời điểm đại hội.

+ Những đồng chí được giới thiệu tái cử vào ban chấp hành khóa mới nói chung phải đủ tuổi công tác trọn nhiệm kỳ, ít nhất phải đủ tuổi tái cử cấp ủy (48 tháng) tại thời điểm đại hội Đảng bộ và còn đủ tuổi công tác ít nhất **36 tháng** tính từ thời điểm đại hội Hội Nông dân cùng cấp.

- Thời điểm tính độ tuổi tham gia ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh lãnh đạo chủ chốt Hội Nông dân các cấp là thời điểm tổ chức đại hội của cấp đó.

- Nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch các cấp phải được cấp ủy cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp phê duyệt.

3. Thành phần, số lượng đại biểu đại hội và đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên

3.1. Thành phần đại biểu chính thức của đại hội

- Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm cùng cấp.

- Đại biểu chỉ định theo cơ cấu, số lượng phân bổ.

Trong đó, phần đầu tỷ lệ đại biểu là nữ trên 20%; có cơ cấu đại biểu là người dân tộc thiểu số, người có đạo phù hợp với từng địa phương.

3.2. Số lượng đại biểu đại hội

Số lượng đại biểu dự đại hội do ban chấp hành cấp triệu tập đại hội quyết định trên cơ sở số lượng hội viên, đơn vị hành chính, số tổ chức Hội trực thuộc, điều kiện kinh tế, sự chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp và Hội Nông dân cấp trên trực tiếp. Số lượng đại biểu đại hội ở mỗi cấp theo định hướng như sau:

*** Cấp xã:**

- Có dưới 5.000 hội viên, triệu tập không quá **120** đại biểu.

- Có từ 5.000 đến dưới 10.000 hội viên, triệu tập không quá **150** đại biểu.

- Có trên 10.000 hội viên triệu tập không quá **180** đại biểu.

*** Cấp tỉnh:** triệu tập không quá **300** đại biểu.

*** Cấp Trung ương:** khoảng **550 - 600** đại biểu.

3.3. Đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên

- Căn cứ vào số lượng hội viên, số lượng tổ chức Hội trực thuộc, ban chấp hành cấp triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu tham dự đại hội cho phù hợp.

- Căn cứ số lượng đại biểu được phân bổ, ban chấp hành cấp triệu tập đại hội xây dựng đề án nhân sự đoàn đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết đi dự đại hội cấp trên, trình Hội cấp trên quyết định chỉ định.

4. Thời gian tổ chức đại hội Hội Nông dân các cấp

Căn cứ Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2026 - 2031; Đại hội 3 cấp của Hội Nông dân Việt Nam sẽ diễn ra trong năm 2025, 2026. Thời điểm tổ chức đại hội ở mỗi cấp diễn ra sau đại hội đảng bộ cấp đó, cụ thể như sau:

- Đại hội cấp xã: Không quá 01 ngày, hoàn thành trước ngày 31/10/2025.
- Đại hội cấp tỉnh: Không quá 1,5 ngày, hoàn thành trước ngày 31/12/2025.
- Đại hội cấp Trung ương: Không quá 02 ngày, hoàn thành trong tháng 6/2026.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

- Ban hành Kế hoạch tổ chức đại hội Hội Nông dân các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Thành lập ban tổ chức, các tiểu ban của Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Xây dựng các dự thảo văn kiện, dự thảo Điều lệ Hội bổ sung, sửa đổi trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX.

- Ban hành Hướng dẫn công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp cơ sở; Hướng dẫn công tác nhân sự đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp cơ sở.

- Phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội Hội Nông dân các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2026; thực hiện tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội.

- Giao Ban Công tác Nông dân Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Hội Nông dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị và tiến hành đại hội của các cấp; tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Trung ương Hội.

2. Hội Nông dân cấp tỉnh, cấp xã

- Các cấp Hội quán triệt Chỉ thị số 48 - CT/TW, ngày 24/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2026 - 2031 và Kế hoạch của Ban Thường vụ Trung ương Hội, xây dựng kế hoạch chỉ đạo đại hội cấp dưới và kế hoạch đại hội cấp mình, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp.

- Thành lập ban tổ chức và các tiểu ban (cấp cơ sở có thể thành lập bộ phận hoặc tổ giúp việc) giúp việc chuẩn bị cho tổ chức đại hội; phân công các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành theo dõi, chỉ đạo việc chuẩn bị các dự thảo văn kiện và nhân sự đại hội cấp dưới.

- Phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội Hội Nông dân các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX gắn với kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2025, 2026; thực hiện tốt công tác tuyên truyền trước, trong và sau đại hội.

- Các cấp Hội chuẩn bị văn kiện, phương án nhân sự, thời gian đại hội của cấp mình báo cáo cấp ủy cùng cấp và Hội cấp trên trực tiếp, chỉ được tiến hành đại hội khi được cấp ủy đồng ý và Hội cấp trên duyệt.

- Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội và điều kiện cụ thể của địa phương, ban thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quyết định việc chỉ đạo đại hội điểm cấp cơ sở thuộc địa phương mình (nếu có) và xin ý kiến của ban thường vụ tỉnh, thành ủy.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức đại hội Hội Nông dân các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Ban thường vụ Hội Nông dân các cấp căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể, xây dựng kế hoạch đại hội cấp mình đảm bảo yêu cầu, nội dung và tiến độ thời gian. Ban thường vụ Hội Nông dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp báo cáo về Trung ương Hội. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời với Ban Thường vụ Trung ương Hội (*qua Ban Công tác Nông dân Trung ương*).

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/c);
- Văn phòng, các Ban TW Đảng (để b/c);
- Ban TT TW MTTQ Việt Nam (để b/c);
- Các tỉnh, thành ủy;
- UB MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố;
- Các đ/c Ủy viên BCH TW Hội;
- Ban Công tác Nông dân các tỉnh, thành phố;
- Lưu Ban CTND.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Lương Quốc Đoàn